

Số: 969 /QĐ-ĐHSP

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp Đại học và cấp bằng Cử nhân
cho sinh viên khóa tuyển sinh năm 2017
hình thức đào tạo chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/04/1994 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 2762/QĐ-HĐĐH ngày 14/8/2020 của Chủ tịch hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-BGDĐT, ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo và được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT, ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 376/QĐ-ĐHĐN ngày 29/01/2008 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng ban hành Quy định về việc thực hiện Quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT, được bổ sung theo công văn số 1834/ĐHĐN-ĐT ngày 18/04/2013 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 1473/QĐ-ĐHSP ngày 15/10/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 55/QĐ-ĐHSP ngày 14/01/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp đại học Hệ chính quy - Năm 2021;

Căn cứ Biên bản xét công nhận tốt nghiệp đại học Hệ chính quy đợt 2, tháng 5/2021 của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp ngày 28/5/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp Đại học và cấp bằng Cử nhân cho **446** (bốn trăm bốn mươi sáu) sinh viên, cụ thể:

Ngành Sư phạm Toán học
Ngành Sư phạm Tin học
Ngành Sư phạm Vật lý
Ngành Sư phạm Hóa học
Ngành Sư phạm Sinh học
Ngành Giáo dục Chính trị
Ngành Sư phạm Âm nhạc
Ngành Sư phạm Ngữ văn
Ngành Sư phạm Lịch sử

Có 15 (mười lăm) sinh viên;
Có 6 (sáu) sinh viên;
Có 10 (mười) sinh viên;
Có 9 (chín) sinh viên;
Có 4 (bốn) sinh viên;
Có 11 (mười một) sinh viên;
Có 5 (năm) sinh viên;
Có 23 (hai mươi ba) sinh viên;
Có 12 (mười hai) sinh viên;



Ngành Sư phạm Địa lý	Có 5 (năm) sinh viên;
Ngành Giáo dục Tiểu học	Có 1 (một) sinh viên;
Ngành Giáo dục Mầm non	Có 26 (hai mươi sáu) sinh viên;
Ngành Toán ứng dụng	Có 1 (một) sinh viên;
Ngành Công nghệ thông tin	Có 45 (bốn mươi lăm) sinh viên;
Ngành Hóa học (Hóa dược)	Có 12 (mười hai) sinh viên;
Ngành Khoa học môi trường	Có 7 (bảy) sinh viên;
Ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Có 7 (bảy) sinh viên;
Ngành Công nghệ sinh học	Có 24 (hai mươi bốn) sinh viên;
Ngành Văn học	Có 4 (bốn) sinh viên;
Ngành Văn hóa học	Có 13 (mười ba) sinh viên;
Ngành Báo chí	Có 77 (bảy mươi bảy) sinh viên;
Ngành Việt Nam học	Có 62 (sáu mươi hai) sinh viên;
Ngành Lịch sử	Có 7 (bảy) sinh viên;
Ngành Địa lý học	Có 7 (bảy) sinh viên;
Ngành Tâm lý học	Có 29 (hai mươi chín) sinh viên;
Ngành Công tác xã hội	Có 24 (hai mươi bốn) sinh viên.

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (để thực hiện);
- ĐHĐN (để báo cáo);
- BGH (để biết);
- Lưu: VT, ĐT. *all*

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

**DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM TOÁN HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 369 /QĐ-ĐHSP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Phước Diễm	17/05/1999	3,42	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 4
2	Phạm Thị Thanh Hiền	16/11/1999	2,87	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 9
3	Dương Thị Kim Khánh	12/02/1999	3,27	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 15
4	Phạm Thị Ái Lài	21/01/1999	3,68	Xuất sắc	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 16
5	Trương Thị Ly Na	05/07/1999	3,35	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 20
6	Lâm Huy Phong	07/04/1999	2,82	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 25
7	Phan Thành Quý	12/12/1999	3,01	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 27
8	Phạm Thị Giáng Quỳnh	17/10/1999	3,37	Khá (Hạ bậc)	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 28
9	Trần Đức Thanh	08/07/1999	3,82	Xuất sắc	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 31
10	Nguyễn Bùi Thị Thạch Thảo	19/03/1999	3,23	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 32
11	Dương Quỳnh Tiên	27/12/1999	3,23	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 34
12	Phan Thị Thùy Trang	05/04/1999	3,22	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 35
13	Nguyễn Thị Bích Trang	08/09/1999	3,17	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 37
14	Trần Nguyễn Nhật Uyên	01/02/1999	2,94	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 40
15	Nguyễn Đào Thế Vinh	21/04/1999	3,36	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 41

Ấn định danh sách này có 15 (mười lăm) sinh viên, trong đó có:

- 2 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 7 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 6 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG


PGS. TS. Lưu Trang

**DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM TIN HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 969 /QĐ-ĐHSP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Lê Duy Anh	07/01/1997	2,87	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 1
2	Phạm Gia Huy	18/05/1998	2,74	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 13
3	Nguyễn Thị Thi	08/10/1999	2,73	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 29
4	Trương Công Thuận	02/03/1999	2,88	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 31
5	Nguyễn Văn Trí	29/11/1997	3,27	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 38
6	Phạm Kiều Thủy Trúc	27/11/1999	2,89	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 39

Ấn định danh sách này có 6 (sáu) sinh viên, trong đó có:

- 0 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 1 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 5 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

**DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM VẬT LÝ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 969/QĐ-ĐHSP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Huỳnh Phước Lợi	27/05/1999	3,24	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 13
2	Hà Lê Uyên Nhi	09/10/1999	3,63	Xuất sắc	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 14
3	Phạm Thị Quỳnh Như	20/07/1999	3,71	Xuất sắc	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 15
4	Huỳnh Hồng Phúc	02/06/1999	3,38	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 18
5	Phan Lê Tấn	06/10/1999	3,27	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 25
6	Trương Thị Thắm	20/10/1999	3,07	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 26
7	Thái Thị Thanh Thủy	19/03/1999	3,39	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 30
8	Huỳnh Thị Thu Thùy	04/05/1999	3,03	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 29
9	Cao Mỹ Uyên	30/12/1999	3,39	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 36
10	Nguyễn Chấn Viễn	24/05/1999	3,27	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 37

Ấn định danh sách này có 10 (mười) sinh viên, trong đó có: p

- 2 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 6 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 2 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Lưu Trang

**DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM HÓA HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 969 /QĐ-ĐHSP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng,

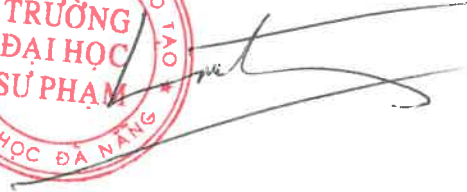
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Mai Tiến Hùng	11/05/1999	3,07	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 9
2	Phạm Trọng Huy	02/11/1998	3,72	Xuất sắc	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 10
3	Mai Phan Lâm Phương	20/10/1999	3,34	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 22
4	Huỳnh Đình Quang	06/06/1999	3,35	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 23
5	Phạm Bá Phú Quang	12/05/1999	3,57	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 24
6	Vũ Hoài Thương	02/05/1999	3,76	Xuất sắc	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 26
7	Lê Thị Bảo Trân	22/02/1999	3,37	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 30
8	Hà Lê Quỳnh Trân	05/11/1999	3,64	Xuất sắc	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 31
9	Hoàng Thị Thùy Trang	24/04/1999	3,42	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 33

Ấn định danh sách này có 9 (chín) sinh viên, trong đó có:

- 3 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 5 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 1 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG


PGS. TS. Lưu Trang

**DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM SINH HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 969/QĐ-ĐHSP ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Lê Trần Minh Ái	06/06/1999	2,79	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 1
2	Phan Trâm Anh	20/09/1999	3,17	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 2
3	Nguyễn Thị Ngọc Mai	02/08/1999	3,08	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 21
4	Vũ Thị Thảo Nhi	26/10/1999	3,24	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 24

Ấn định danh sách này có 4 (bốn) sinh viên, trong đó có:

- 0 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 1 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 3 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

**DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 369/QĐ-ĐHSP ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Alăng Thị Ban	10/02/1999	2,65	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 2
2	Hôihi Thị Đào	25/12/1999	3,42	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 4
3	Trịnh Thị Diệu	10/08/1999	3,01	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 5
4	Nay H'	13/09/1999	2,88	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 11
5	Zorâm Thị Mạnh	18/08/1999	3,14	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 17
6	Bồ Nướch Thị Kiều Sương	01/08/1999	2,96	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 27
7	Nguyễn Thị Thu Thảo	21/10/1999	3,05	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 30
8	Alăng Thị Thu	07/06/1999	2,97	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 31
9	Tơ Ngôl	26/03/1999	3,11	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 35
10	Trần Thị Minh Trung	30/04/1999	3,49	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 36
11	Hồ Thị Tuyết	12/01/1999	3,60	Xuất sắc	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 38

Ấn định danh sách này có 11 (mười một) sinh viên, trong đó có:

- 1 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 2 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 8 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Lưu Trang

**DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM ÂM NHẠC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 369 /QĐ-ĐHSP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Bùi Minh Công	22/04/1999	3,42	Giỏi	2599/QĐ-ĐNĐN ngày 15/08/2017 17
2	Trương Thị Minh Hiếu	12/03/1999	3,50	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 5
3	Phạm Ngọc Phương Linh	04/12/1999	3,22	Giỏi	2599/QĐ-ĐNĐN ngày 15/08/2017 16
4	Ngô Đình Văn Thiện	13/04/1999	3,25	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 11
5	Trương Thanh Tú	26/10/1997	3,54	Giỏi	2599/QĐ-ĐNĐN ngày 15/08/2017 6

Ấn định danh sách này có 5 (năm) sinh viên, trong đó có:

- 0 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 5 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 0 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

**DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM NGŨ VĂN
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 369/QĐ-ĐHSP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Alăng Thị Âm	05/09/1999	3,40	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 1
2	Nguyễn Trần Quỳnh Chi	08/09/1999	3,53	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 2
3	Lưu Đức Duy	10/03/1999	3,59	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 4
4	Hoàng Thị Hồng	28/10/1998	3,39	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 12
5	Y Huyền	15/05/1999	3,06	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 13
6	Đào Thị Hiền Lương	22/01/1999	3,23	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 14
7	Nguyễn Thị Kim Ngân	13/02/1999	3,06	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 15
8	Lê Thị Nguyệt	10/09/1999	3,31	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 17
9	Lê Nguyễn Quỳnh Như	09/06/1998	3,09	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 19
10	Y Yu Ny	09/12/1999	3,59	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 22
11	Phạm Thị Kim Oanh	10/03/1999	3,46	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 23
12	Y Hồng Phụng	07/09/1999	3,32	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 26
13	Nguyễn Thị Việt Phương	15/02/1999	3,36	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 25
14	Đào Ngọc Mai Phương	11/08/1999	3,64	Xuất sắc	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 24
15	Tăng Thị Thảo Quyên	11/05/1999	3,59	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 28
16	Đinh Ngọc Anh Tài	16/02/1999	3,34	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 30
17	Trần Thị Tệ	09/10/1999	3,20	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 31
18	Trần Thị Thanh Thanh	10/10/1999	3,51	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 32
19	Rơ Trần Thiện	05/02/1998	3,35	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 33
20	Phan Thị Trang	06/05/1999	3,24	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 34
21	Diệp Hải Vương	11/10/1999	3,35	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 39
22	Phan Thị Tường Vy	19/05/1999	3,58	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 40
23	Trương Như Ý	04/09/1999	3,68	Xuất sắc	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 41

Ấn định danh sách này có 23 (hai mươi ba) sinh viên, trong đó có:

- 2 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 18 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 3 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình



PGS. TS. Lưu Trang

**DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 969 /QĐ-ĐHSP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Hồ Thị Cam	05/11/1999	3,58	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 4
2	Phạm Hoàng Lan Chi	28/11/1999	3,97	Xuất sắc	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 5
3	Nguyễn Thị Tú Duyên	20/12/1999	3,62	Xuất sắc	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 11
4	Nguyễn Thị Phương Hồng	11/09/1999	3,43	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 16
5	Nguyễn Thị Khánh Huyền	28/08/1999	3,10	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 18
6	Phạm Trần Huy Khang	01/09/1997	2,95	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 19
7	Y Si Nai	29/03/1999	2,95	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 26
8	Tô Hồng Lan Phương	10/11/1999	3,54	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 30
9	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	31/07/1999	3,45	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 35
10	Nguyễn Trường Thi	19/02/1999	3,43	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 36
11	Cơ Lâu Thị Tiên	06/02/1999	2,89	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 39
12	Trần Mai Lệ Tuyền	02/09/1999	3,12	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 42

Ấn định danh sách này có 12 (mười hai) sinh viên, trong đó có:

- 2 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 5 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 5 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

**DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM ĐỊA LÝ
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 969/QĐ-ĐHSP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng,
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Lê Thị Huệ	11/01/1999	3,40	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 13
2	Võ Thị Thùy Hương	24/05/1999	3,07	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 16
3	Nguyễn Thị Thúy Hương	05/05/1999	2,75	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 15
4	Đặng Tiến Khả	03/08/1998	2,54	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 19
5	Phan Thị Ngọc Lý	17/08/1999	2,87	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 25

Ấn định danh sách này có 5 (năm) sinh viên, trong đó có:

- 0 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 1 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 4 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Lưu Trang

**DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 369/QĐ-ĐHSP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Thị Hoài	09/01/1999	3,01	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 14

Ấn định danh sách này có 1 (một) sinh viên, trong đó có: 

- 0 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 0 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 1 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

**DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 969 /QĐ-ĐHSP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Trần Thị Ngọc Ánh	15/09/1999	3,38	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 2
2	Trần Thị Lan Anh	05/09/1999	3,31	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 1
3	Huỳnh Thị Diễm	02/12/1999	3,37	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 3
4	Trịnh Thị Diệp	23/05/1999	3,36	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 4
5	Vũ Thị Thu Hà	20/02/1998	3,17	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 10
6	Nguyễn Thị Hà	31/10/1999	3,52	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 9
7	Võ Thị Lệ Hằng	13/10/1999	3,28	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 11
8	Nguyễn Thị Thu Hiền	18/11/1999	3,31	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 12
9	Ngô Huỳnh Thanh Hoa	12/10/1999	3,37	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 13
10	Đỗ Thị Thu Hương	10/02/1999	3,12	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 14
11	Dương Thị Thanh Khuyên	08/07/1999	3,51	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 16
12	Dương Thị Thùy Linh	06/06/1999	3,41	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 19
13	Hà Thị Loan	04/06/1999	3,28	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 22
14	Nguyễn Hương Ly	27/03/1999	3,23	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 23
15	Lưu Thị Linh Mỹ	02/10/1999	3,33	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 26
16	Đặng Thị Kim Ngân	20/04/1999	2,99	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 27
17	Nguyễn Thị Như Ngọc	16/04/1999	3,25	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 28
18	Nguyễn Thị Ni	18/08/1999	3,31	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 32
19	Nguyễn Phương Thanh	02/01/1999	3,42	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 37
20	Nguyễn Thị Bảo Thủy	23/02/1999	3,31	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 39
21	Nguyễn Lê Cẩm Ti	27/02/1999	3,61	Xuất sắc	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 40
22	Mai Thị Huyền Trang	09/05/1999	3,41	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 41
23	Huỳnh Thị Trinh	19/01/1999	2,88	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 46
24	Nguyễn Thị Tố Uyên	01/09/1999	3,62	Xuất sắc	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 48



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
25	Lê Thị Hồng Viên	14/04/1999	3,32	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 49
26	Nguyễn Thị Lê Vy	15/06/1999	3,26	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 50

Ấn định danh sách này có 26 (hai mươi sáu) sinh viên, trong đó có: 

- 2 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 20 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 4 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang



**DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH TOÁN ỨNG DỤNG
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 369 /QĐ-ĐHSP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
Chuyên ngành Toán - Tin					
1	Nguyễn Thị Hoa	20/03/1999	3,40	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 9

Ấn định danh sách này có 1 (một) sinh viên, trong đó có: *p*

- 0 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 1 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 0 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Lưu Trang

**DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 369 /QĐ-ĐHSP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Đặng Thị Lam Chiều	23/11/1999	2,85	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 15
2	Trần Văn Dũng	04/02/1999	2,60	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 32
3	Nguyễn Thị Thanh Duyên	27/06/1999	2,67	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 38
4	Đặng Văn Hải	24/05/1999	2,63	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 46
5	Nguyễn Thị Hằng	18/11/1999	2,58	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 52
6	Phan Thị Thu Hằng	10/10/1999	2,68	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 51
7	Nguyễn Lê Thái Hiền	12/04/1999	2,86	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 58
8	Trần Lê Khánh Hòa	22/08/1999	2,93	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 68
9	Trần Quốc Hưng	20/07/1999	2,75	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 78
10	Nguyễn Quang Huy	23/05/1999	3,01	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 86
11	Trần Thanh Khang	22/08/1999	3,42	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 92
12	Phạm Khắc Khánh	16/07/1999	3,10	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 93
13	Văn Bá Lộc	14/10/1999	3,49	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 115
14	Nguyễn Thị Bích Ngọc	10/12/1999	2,69	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 136
15	Phạm Thị Nhẫn	18/09/1999	2,90	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 145
16	Bùi Viết Nhật	08/03/1999	2,74	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 148
17	Mai Bá Giang Sơn	19/05/1999	3,23	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 174
18	Mai Hồ Xuân Tài	25/06/1999	2,63	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 180
19	Trần Thị Kim Thanh	15/03/1999	2,56	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 190
20	Nguyễn Phúc Thiện	26/05/1999	2,91	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 203
21	Trần Minh Thuận	12/06/1999	3,01	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 210
22	Trần Thị Trang	16/08/1999	2,65	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 232
23	Nguyễn Đắc Chí	17/10/1999	3,20	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 14
24	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	24/12/1999	3,09	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 65
25	Trương Đức Khải	06/05/1999	3,07	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 91



STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
26	Trịnh Xuân	Khánh	05/06/1999	3,01	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 94
27	Nguyễn Quang	Linh	20/07/1999	2,86	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 113
28	Nguyễn Kim	Ngân	23/04/1999	2,63	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 132
29	Lê Văn	Tịnh	02/02/1999	2,63	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 221
30	Tôn Thất Hoàng	Vũ	08/04/1999	3,22	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 260
31	Lý Huỳnh	Đức	28/05/1999	3,28	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 27
32	Cao Thành	Duy	16/05/1999	2,61	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 37
33	Đậu Thị	Hiền	21/05/1998	3,21	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 57
34	Hà Thị	Huệ	20/02/1999	3,08	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 75
35	Dương Thị	Huệ	01/01/1999	2,70	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 76
36	Đặng Nguyễn	Huỳnh	16/06/1999	2,65	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 89
37	Huỳnh Thị Mỹ	Kiều	26/06/1999	3,07	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 99
38	Trương Thị	Lê	24/11/1999	2,91	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 105
39	Nguyễn Ngọc	Nhân	25/12/1999	2,64	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 143
40	Nguyễn Thị	Nhật	08/11/1999	3,00	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 147
41	Huỳnh Thị Mỹ	Phước	11/01/1999	3,01	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 150
42	Đinh Thị	Phượng	14/10/1999	3,09	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 161
43	Nguyễn Thị	Quý	05/07/1999	2,89	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 167
44	Trần Văn Anh	Son	21/02/1999	2,96	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 172
45	Võ Thị Thu	Thảo	09/03/1999	2,59	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 202

Ấn định danh sách này có 45 (bốn mươi lăm) sinh viên, trong đó có:

- 0 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 7 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 38 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Lưu Trang

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH HÓA HỌC

ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN

(Kèm theo Quyết định số: 369/QĐ-ĐHSP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
Chuyên ngành Hóa dược					
1	Triệu Khánh Di	30/04/1999	2,71	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 4
2	Đặng Thị Hiền	25/05/1999	3,26	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 14
3	Phạm Thị Kim Huyền	02/01/1999	2,80	Khá	2827/QĐ-ĐHĐN ngày 29/8/2017 4
4	Lê Thị Xuân Mai	26/04/1999	2,71	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 42
5	Lê Thị Trà My	17/03/1999	2,59	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 44
6	Huỳnh Thị Ngoạc	04/09/1999	2,57	Khá	2827/QĐ-ĐHĐN ngày 29/8/2017 11
7	Võ Thị Quy Nhơn	22/04/1999	3,29	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 53
8	Trần Thị Bích Phượng	11/01/1999	3,49	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 61
9	Hồ Ngân Thê	03/07/1999	2,76	Khá	2827/QĐ-ĐHĐN ngày 29/8/2017 18
10	Huỳnh Hương Trang	20/04/1999	2,53	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 78
11	Võ Thị Thuý Trinh	27/08/1999	3,43	Giỏi	2827/QĐ-ĐHĐN ngày 29/8/2017 20
12	Võ Huỳnh Thị Uyên	02/05/1999	2,87	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 83

Ấn định danh sách này có 12 (mười hai) sinh viên, trong đó có:

- 0 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 4 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 8 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG

ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN

(Kèm theo Quyết định số: 369/QĐ-ĐHSP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
Chuyên ngành Quản lý môi trường					
1	Nguyễn Thị Kim Ánh	24/11/1999	3,11	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 2
2	Nguyễn Thị Hiền	08/04/1999	2,85	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 10
3	Trần Thị Thanh Ngân	16/09/1999	3,38	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 20
4	Phan Thị Diệu Thanh	05/08/1999	3,09	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 23
5	Trần Công Tịnh	17/08/1999	2,64	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 25
6	Nguyễn Thị Ý	12/10/1999	2,93	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 29
7	Phạm Thị Kim Yến	22/09/1999	3,71	Xuất sắc	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 30

Ấn định danh sách này có 7 (bảy) sinh viên, trong đó có: *p*

- 1 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 1 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 5 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Lưu Trang

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN

(Kèm theo Quyết định số: 969 /QĐ-ĐHSP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Trần Thanh Đáng	22/01/1997	3,54	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 7
2	Trương Thị Thúy Kiều	30/10/1999	2,92	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 21
3	Nguyễn Lai	18/09/1999	3,32	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 22
4	Phan Thị Thu Phương	10/10/1999	2,85	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 31
5	Đỗ Thùy Trang	11/10/1999	3,21	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 42
6	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	07/07/1999	2,82	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 47
7	Phạm Thị Kim Yến	01/03/1999	2,72	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 52

Ấn định danh sách này có 7 (bảy) sinh viên, trong đó có:

- 0 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 3 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 4 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

**DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ SINH HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 369 /QĐ-ĐHSP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
Chuyên ngành Ứng dụng Công nghệ sinh học trong Nông nghiệp - Dược liệu - Môi trường					
1	Phạm Công Anh	05/11/1999	3,16	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 1
2	Lê Thị Duy Ba	04/01/1999	2,80	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 2
3	Trần Đình Chí	30/05/1999	3,25	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 3
4	Võ Bá Duy	25/07/1999	2,66	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 4
5	Nguyễn Châu Giang	28/12/1999	3,01	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 17
6	Ngô Thị Duy Khanh	20/04/1999	3,01	Khá	2827/QĐ-ĐHĐN ngày 29/8/2017 6
7	Võ Thị Mỹ Lệ	15/04/1999	3,07	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 30
8	Hà Thị Lê	02/11/1998	3,36	Giỏi	2827/QĐ-ĐHĐN ngày 29/8/2017 7
9	Đặng Thị Hồng Linh	11/12/1999	2,62	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 32
10	Ngô Hoài Nam	14/10/1999	2,84	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 36
11	Huỳnh Thị Ngọc Ngà	16/12/1999	2,93	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 37
12	Võ Diệu Huệ	06/07/1997	3,07	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 38
13	Phan Thị Như Quyền	20/07/1999	3,02	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 43
14	Nguyễn Đoàn Nhật Quỳnh	18/02/1999	3,15	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 44
15	Lê Huỳnh Thị Diễm Sương	26/11/1999	3,29	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 48
16	Nguyễn Thị Thu Thảo	31/03/1999	3,10	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 55
17	Quách Thị Thu Thê	14/01/1999	3,29	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 58
18	Lê Thị Phương Thu	11/06/1997	3,16	Khá	2827/QĐ-ĐNĐN ngày 29/08/2017 10
19	Lê Hoài Thương	07/12/1999	2,67	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 61
20	Hà Trần Quỳnh Tiên	11/05/1999	2,69	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 65
21	Trần Thị Bích Trâm	09/01/1999	3,32	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 68
22	Hồ Thị Trang	31/07/1999	3,16	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 69



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
23	Trần Thị Tường Vy	18/10/1999	3,29	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 79
24	Nguyễn Thị Hồng Yến	13/02/1999	2,93	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 80

Ấn định danh sách này có 24 (hai mươi bốn) sinh viên, trong đó có: *ph*

- 0 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 6 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 18 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang



**DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH VĂN HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 369 /QĐ-ĐHSP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Hương Giang	22/07/1999	3,41	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 12
2	Trần Hồng Ngọc	08/07/1999	2,86	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 36
3	Nguyễn Thị Hiền Thắm	18/02/1999	3,22	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 51
4	Trần Thị Thương	06/10/1999	3,40	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 60

Ấn định danh sách này có 4 (bốn) sinh viên, trong đó có:

- 0 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 3 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 1 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

**DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH VĂN HÓA HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 369/QĐ-ĐHSP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Ksor H' Bích	15/12/1999	2,96	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 3
2	Võ Thị Hòa	01/11/1999	3,01	Khá	2827/QĐ-ĐHĐN ngày 29/8/2017 3
3	Thái Thị Hội	06/10/1999	2,72	Khá	2827/QĐ-ĐHĐN ngày 29/8/2017 4
4	Nguyễn Thị Thu Hương	12/11/1999	2,84	Khá	2827/QĐ-ĐHĐN ngày 29/8/2017 5
5	Nguyễn Thị Thanh Huyền	24/08/1999	2,87	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 9
6	Nguyễn Văn Thành Khoa	17/02/1999	2,69	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 11
7	Lê Thị Diễm Na	05/09/1999	2,92	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 16
8	Trần Thị Kim Ngân	01/10/1999	3,32	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 19
9	Ngô Lê Như Ngọc	12/08/1999	3,04	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 20
10	Hồ Thanh Thị Phan	06/06/1999	2,93	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 25
11	Phạm Thị Phúc	10/10/1999	2,96	Khá	2827/QĐ-ĐHĐN ngày 29/8/2017 12
12	Phan Thị Hoài Thương	11/12/1999	2,92	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 36
13	Nguyễn Thị Phương Trâm	20/03/1999	2,68	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 37

Ấn định danh sách này có 13 (mười ba) sinh viên, trong đó có:

- 0 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 1 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 12 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Lưu Trang

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH BÁO CHÍ

ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN

(Kèm theo Quyết định số: 969/QĐ-ĐHSP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Trần Đặng Kim Chi	22/11/1999	2,81	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 33
2	Đỗ Ngọc Đại	12/05/1999	3,19	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 41
3	Trần Huy Diễm	17/08/1999	2,92	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 46
4	Nguyễn Lý Hằng	16/09/1999	3,07	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 82
5	Nguyễn Thị Diễm Hằng	17/11/1999	2,93	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 85
6	Lê Thị Mỹ Hạnh	12/06/1999	3,09	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 88
7	Đặng Nguyên Hạnh	05/02/1999	3,04	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 92
8	Phan Thị Thu Hiệp	06/06/1999	2,71	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 98
9	Nguyễn Lan Hương	06/03/1999	3,19	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 128
10	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	04/11/1999	2,83	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 140
11	Huỳnh Thị Khanh	17/06/1999	2,67	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 150
12	Đào Bảo Khuyên	30/12/1999	2,86	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 156
13	Vũ Quốc Lành	07/04/1999	2,88	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 169
14	Nguyễn Thị Linh	19/06/1999	2,91	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 188
15	Lê Thị Thúy Nga	06/11/1999	2,96	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 231
16	Nguyễn Trung Nghĩa	19/09/1999	2,96	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 245
17	Phạm Thị Minh Ngọc	17/08/1999	2,74	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 254
18	Nguyễn Thị Hồng Nhung	08/01/1998	2,78	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 281
19	Lê Thị Kim Oanh	25/05/1999	2,99	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 291
20	Hoàng Thị Phụng	02/01/1999	2,89	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 308
21	Lê Thị Hồng Phương	04/02/1999	2,87	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 299
22	Nguyễn Thị Lâm Phương	24/07/1999	3,06	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 304
23	Phan Thị Quỳnh	02/04/1999	2,94	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 320
24	Đoàn Thị Châu Sa	31/01/1999	2,89	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 325
25	Nguyễn Hữu Thành	14/07/1999	2,85	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 352



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
26	Nguyễn Thuỳ Vi	11/02/1999	3,14	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 441
27	Nguyễn Thị Trang Châu	01/02/1999	3,22	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 30
28	Trần Thị Duyên	06/09/1999	2,80	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 59
29	Nguyễn Thành Duyên	21/11/1999	3,32	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 61
30	Trần Thị Bảo Giang	31/05/1999	2,82	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 64
31	Đinh Hồ Xuân Hân	18/02/1999	2,53	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 78
32	Trịnh Thu Hằng	16/09/1999	2,93	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 83
33	Trần Hương Lan	10/12/1999	3,22	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 167
34	Phạm Thị Mỹ Lệ	21/07/1999	3,53	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 173
35	Nguyễn Lê Thúy Na	01/05/1999	3,48	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 223
36	Ngô Thị Thanh	30/10/1999	2,91	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 348
37	Phan Thị Thanh Thủy	17/02/1999	3,05	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 395
38	Thái Thị Huyền Trang	04/03/1999	3,26	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 413
39	Phan Thị Thu Tuyền	05/04/1999	3,30	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 432
40	Đặng Ngô Linh Uyên	04/10/1999	2,94	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 413
41	Mai Trường An	20/05/1999	3,08	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 4
42	Trần Thị Xuân Bình	04/01/1999	3,48	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 25
43	Nguyễn Đình Dũng	07/11/1999	2,54	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 55
44	Nguyễn Thị Hạnh Duyên	05/01/1999	2,78	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 57
45	Trần Thị Thu Hà	25/10/1999	2,73	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 71
46	Ngô Thị Hòa	27/08/1999	2,88	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 109
47	Vương Quốc Huy	26/08/1999	3,24	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 138
48	Phạm Thị Mai Liên	10/02/1999	3,43	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 175
49	Lê Thị Công Loan	14/02/1999	2,91	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 191
50	Mai Thị Nga	30/10/1999	2,85	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 232
51	Nguyễn Thúy Ngân	27/03/1999	2,86	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 235
52	Nguyễn Phạm Vy Ngân	09/06/1999	3,02	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 236
53	Nguyễn Thị Mẫn Ngọc	25/09/1999	3,40	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 250
54	Nguyễn Tấn Phước	04/11/1995	2,87	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 297
55	Nguyễn Lê Quỳnh Thi	03/08/1999	2,89	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 372
56	Nay Winh	28/07/1998	2,90	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 449
57	Đào Thị Ánh	19/05/1999	2,65	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 15
58	Phạm Quỳnh Giang	16/11/1999	3,18	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 62

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
59	Lê Vũ Hạ	07/10/1999	3,29	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 73
60	Lê Nguyễn Quang Hà	26/01/1999	2,89	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 70
61	Trần Thị Mỹ Hạnh	16/01/1999	2,65	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 89
62	Nguyễn Thị Kim Hậu	07/09/1999	2,76	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 96
63	Mai Văn Hy	11/11/1999	3,44	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 149
64	Nguyễn Đình Khoa	14/05/1999	2,74	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 154
65	Trần Thị Thảo My	25/01/1999	3,18	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 219
66	Trần Thị Nga	22/11/1999	3,22	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 233
67	Cao Thị Bích Ngọc	20/11/1999	2,71	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 252
68	Nguyễn Huỳnh Kim Ngọc	25/09/1999	3,33	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 246
69	Bùi Thị Xuân Nguyên	19/03/1999	3,12	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 258
70	Đinh Thị Tuyết Nhi	10/10/1999	2,95	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 267
71	Trần Thị Bội Nhiên	05/02/1999	3,01	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 274
72	Phan Thị Hồng Phúc	08/06/1999	3,14	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 296
73	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	08/10/1999	2,90	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 322
74	Nguyễn Hoàng Thi	28/08/1999	3,23	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 374
75	Trương Thị Xuân Tiên	15/08/1999	3,06	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 397
76	Trần Thị Anh Trúc	10/12/1997	3,08	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 424
77	Võ Thị Thu Uyển	01/11/1999	2,88	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 438

Ấn định danh sách này có 77 (bảy mươi bảy) sinh viên, trong đó có:

- 0 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 16 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 61 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

PHỤ TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

**DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH VIỆT NAM HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 969 /QĐ-ĐHSP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
Chuyên ngành Văn hóa - Du lịch						
1	Đặng Tấn	Cường	25/11/1999	3,62	Xuất sắc	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 23
2	Trương Thị	Thơm	04/08/1999	3,24	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 297
3	Phạm Quốc	Văn	16/10/1999	2,74	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 368
4	Huỳnh Thị	Diễm	01/02/1999	2,41	Trung bình	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 26
5	Quách Thị Ngọc	Diệp	02/02/1999	2,84	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 29
6	Trương Thị Mỹ	Duyên	04/11/1999	3,15	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 41
7	Lại Thị	Hạnh	06/04/1999	3,17	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 68
8	Nguyễn Thị Thu	Hiền	23/11/1999	2,65	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 78
9	Trần Kim	Hiếu	27/03/1999	2,63	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 82
10	Nguyễn Thị	Huế	04/01/1999	3,20	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 100
11	Trương Thị Thùy	Linh	08/01/1999	2,83	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 140
12	Trần Thị Xuân	Linh	16/06/1999	2,72	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 141
13	Lưu Thị Thùy	Linh	19/04/1999	2,66	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 145
14	Trần Thị	Lộc	12/08/1999	2,88	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 152
15	Huỳnh Thị Khánh	Ly	27/06/1999	2,89	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 154
16	Lê Thị	Mão	23/09/1999	2,88	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 162
17	Đinh Thiện	Minh	27/06/1999	2,64	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 165
18	Trương Thị Yến	My	17/04/1999	3,10	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 169
19	Trần Thị	Nên	21/06/1999	3,05	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 172
20	Phạm Thị Cẩm	Ngọc	13/01/1999	2,91	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 182
21	Trần Thị Thảo	Nguyên	09/04/1999	2,90	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 187
22	Trần Thị	Nguyệt	09/01/1999	2,96	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 192
23	Nguyễn Thị Bích	Nhiệm	05/11/1999	2,75	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 209
24	Nguyễn Thị Tú	Nhuận	10/04/1999	2,90	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 211



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
25	Trương Thị Hồng Nhung	09/04/1999	3,02	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 214
26	Nguyễn Đình Tú Oanh	23/12/1999	2,81	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 221
27	Giản Thị Hà Phương	25/05/1999	3,35	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 229
28	Phạm Thị Thuỳ Quyên	04/04/1999	2,54	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 245
29	Nguyễn Thị Tâm	20/02/1999	2,96	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 267
30	Lê Thị Thu Thảo	15/08/1999	3,07	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 286
31	Nguyễn Thị Anh Thư	16/10/1999	3,63	Xuất sắc	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 300
32	Dương Thị Thủy	25/03/1999	2,96	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 313
33	Nguyễn Thị Hải Tiên	11/07/1999	2,66	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 319
34	Lưu Thị Thùy Trang	12/09/1999	3,04	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 331
35	Hoàng Thị Trúc	30/09/1999	3,27	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 350
36	Võ Thị Thanh Tuyền	07/07/1999	2,66	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 360
37	Nguyễn Thị Uyên	20/07/1999	3,23	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 365
38	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	01/07/1999	3,28	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 40
39	Nguyễn Thị Linh Giang	13/06/1999	2,65	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 50
40	Lê Lữ Thanh Hà	02/09/1999	2,91	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 54
41	Phạm Thị Hồng Hạnh	12/02/1999	2,89	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 65
42	Huỳnh Lê Ngọc Hậu	04/07/1999	3,46	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 72
43	Nguyễn Thị Phú Hậu	10/12/1999	3,30	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 73
44	Nguyễn Trần Quang Huy	29/11/1999	3,45	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 110
45	Huỳnh Nguyễn Tuấn Huy	16/07/1999	2,82	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 109
46	Phạm Phương Nam	25/01/1997	2,98	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 171
47	Bùi Thị Nga	02/10/1999	3,08	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 173
48	Nguyễn Thị Nhất	07/11/1998	2,63	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 198
49	Trần Bảo Nhựt	13/03/1998	2,74	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 218
50	Đặng Minh Quý	10/07/1999	3,00	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 243
51	Lê Thị Thu Thanh	26/04/1999	3,13	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 274
52	Phạm Thị Thảo	04/08/1999	2,95	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 282
53	Nguyễn Thị Thật	20/02/1999	3,44	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 290
54	Nguyễn Quốc Toàn	20/04/1999	3,38	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 321
55	Nguyễn Thị Bích Trâm	10/10/1998	2,93	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 324
56	Phan Thị Thùy Trang	16/05/1999	2,96	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 332
57	Nguyễn Thị Thùy Trinh	20/06/1999	3,42	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 347

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
58	Phạm Thị Trúc	11/08/1999	2,99	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 351
59	Phan Thị Mai Tuyết	14/04/1999	3,27	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 361
60	Lê Thị Thanh Vân	10/08/1999	3,43	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 367
61	Ngô Thị Thủy Vi	05/04/1999	3,16	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 371
62	Đỗ Thị Hồng Yến	10/07/1999	3,13	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 389

Ấn định danh sách này có 62 (sáu mươi hai) sinh viên, trong đó có: 

- 2 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 14 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 45 sinh viên Xếp loại Khá
- 1 sinh viên Xếp loại Trung bình



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Lưu Trang



DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH LỊCH SỬ

ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN

(Kèm theo Quyết định số: 969/QĐ-ĐHSP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
Chuyên ngành Quan hệ quốc tế					
1	Phan Nguyễn Huy Chinh	08/12/1999	3,65	Xuất sắc	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 4
2	Hồ Thị Diễm	13/08/1999	2,66	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 6
3	Nguyễn Phúc Mỹ Liên	24/10/1999	2,79	Khá	2827/QĐ-ĐHĐN ngày 29/8/2017 15
4	Trương Thị Trà My	24/05/1999	2,84	Khá	2827/QĐ-ĐHĐN ngày 29/8/2017 16
5	Phan Bình Nhi	22/08/1999	3,06	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 26
6	Hồ Trương Nhật Trúc	13/01/1997	2,79	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 38
7	Nguyễn Thị Vân	27/10/1998	2,56	Khá	2827/QĐ-ĐHĐN ngày 29/8/2017 31

Ấn định danh sách này có 7 (bảy) sinh viên, trong đó có:

- 1 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 0 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 6 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

**DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH ĐỊA LÝ HỌC
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 969 /QĐ-ĐHSP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
Chuyên ngành Địa lý du lịch					
1	Cao Thị Kim Cúc	04/10/1999	2,91	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 17
2	Đinh Thị Hoàng Thơ	09/04/1999	2,74	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 164
3	Bùi Thị Yến Trâm	12/02/1999	2,90	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 177
4	Ngô Quốc Hiệp	16/11/1999	2,90	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 49
5	Nguyễn Thị Mỹ Hoa	02/06/1999	2,57	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 53
6	Trần Thị Thom	21/07/1999	3,04	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 166
7	Phạm Bùi Linh Trang	27/06/1999	3,24	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 180

Ấn định danh sách này có 7 (bảy) sinh viên, trong đó có:

- 0 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 1 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 6 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

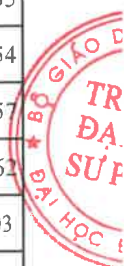
DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH TÂM LÝ HỌC

ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN

(Kèm theo Quyết định số: 969/QĐ-ĐHSP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Thị Anh Đào	14/08/1999	3,26	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 20
2	Thái Thị Kiều Dung	28/08/1999	3,07	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 28
3	Trần Thị Xuân Giang	18/06/1999	3,04	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 35
4	Nguyễn Thị Thu Hiếu	02/10/1999	3,20	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 54
5	Long Thị Thanh Hoa	12/03/1998	3,20	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 57
6	Nguyễn Diệu Hương	27/01/1999	3,09	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 62
7	Phạm Lê Ngọc Ly	07/10/1999	2,79	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 103
8	Nguyễn Thị Thanh Nhân	15/07/1999	2,68	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 127
9	Lý Thị Thanh Tâm	24/02/1999	2,93	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 169
10	Mai Thị Hồng Thắm	12/09/1999	3,38	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 173
11	Nguyễn Phương Thảo	01/07/1998	3,18	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 182
12	Nguyễn Đức Thiện	29/05/1997	2,82	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 186
13	Nguyễn Thủy Tiên	18/06/1999	2,89	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 210
14	Trương Trần Thanh Trà	10/01/1999	3,20	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 216
15	Trần Thị Trâm	10/04/1999	2,91	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 221
16	Nguyễn Thị Uyên	06/03/1999	3,26	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 239
17	Trần Nhật Vi	03/05/1999	3,49	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 244
18	Nguyễn Văn Dũng	22/05/1999	3,08	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 29
19	Trần Văn Hùng	09/06/1999	3,10	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 61
20	Nguyễn Thuý Thu Lộc	01/09/1999	2,92	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 96
21	Mai Lê My	18/04/1998	3,10	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 109
22	Nguyễn Lê Thị Yến Nhi	01/11/1999	3,16	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 134
23	Trần Thị Nữ	02/02/1999	3,67	Xuất sắc	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 140
24	Nguyễn Thị Lâm Oanh	11/09/1999	3,08	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 145
25	Võ Thị Hải Thảo	03/06/1999	3,23	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 181



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
26	Nguyễn Minh Truyền	15/08/1998	3,36	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 231
27	Nguyễn Thu Uyên	26/08/1999	2,79	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 241
28	Lê Thúy Vi	05/11/1999	2,91	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 245
29	Nguyễn Tường Vi	30/04/1999	2,82	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 243

Ấn định danh sách này có 29 (hai mươi chín) sinh viên, trong đó có:

- 1 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 9 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 19 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang



**DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 369 /QĐ-ĐHSP ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Trần Khánh	An	24/12/1998	3,25	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 2
2	Lê Đào	Diệu	02/04/1999	3,37	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 32
3	Thái Thị Thu	Hạnh	24/05/1999	3,09	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 64
4	Nguyễn Thị	Hướng	26/11/1999	3,03	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 100
5	Nguyễn Thị	Lê	18/07/1999	3,68	Xuất sắc	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 117
6	Nguyễn Thị Hồng	Loan	02/03/1999	3,50	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 128
7	Nguyễn Thị	Ngọc	17/09/1993	3,28	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 159
8	Y	Nhưong	11/06/1999	2,88	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 178
9	Lê Thị Thu	Thủy	16/11/1999	3,46	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 232
10	Phạm Thị Thu	Thủy	15/04/1999	3,31	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 230
11	Trần Bảo Quán	Âm	23/06/1999	3,69	Xuất sắc	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 1
12	Phan Thị Thu	Hà	09/08/1999	2,82	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 52
13	Hồ Thị Hải	Hậu	16/12/1998	3,13	Khá	2429/QĐ-ĐNĐN ngày 31/07/2017 25
14	Hiên	Hiệp	26/01/1999	3,10	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 74
15	Bríu Thị	Hoàn	04/05/1999	3,42	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 83
16	Huỳnh Thị	Liên	05/05/1997	3,74	Xuất sắc	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 119
17	Lê Thị Thanh	Linh	20/03/1998	3,65	Xuất sắc	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 124
18	Nguyễn Thị	Luyến	15/07/1999	3,61	Xuất sắc	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 139
19	Trương Thị Yến	Nhi	30/03/1999	3,61	Xuất sắc	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 168
20	Bơ Nướch Thị	Phôn	03/07/1999	3,09	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 185
21	Nguyễn Đình	Thành	19/11/1999	2,87	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 219
22	Phạm Thị Mai	Trinh	13/06/1999	3,08	Khá	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 251



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
23	Trương Thị Thanh Xuân	02/06/1999	3,53	Giỏi	2563/QĐ-ĐNĐN ngày 11/08/2017 288
24	Lê Vũ Tuyết Nhi	20/12/1999	3,30	Giỏi	1937/QĐ-ĐHĐN ngày 25/6/2019 1

Ấn định danh sách này có 24 (hai mươi bốn) sinh viên, trong đó có: *g*

- 6 sinh viên Xếp loại Xuất sắc
- 9 sinh viên Xếp loại Giỏi
- 9 sinh viên Xếp loại Khá
- 0 sinh viên Xếp loại Trung bình

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

